|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /QĐ-TTg |  *Hà Nội, ngày tháng   năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia**

**theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ và hội nhập quốc tế**

**giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035”**

 **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chính sau đây:

**I. QUAN ĐIỂM**

- Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (National Quality Infrastructure) là yêu cầu, giải pháp quan trọng tăng cường và đồng bộ hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận nhằm thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chiến lược, kế hoạch, đề án của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế.

- Công khai, minh bạch chính sách của Việt Nam về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm tạo thuận lợi thương mại, nâng cao năng lực sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm, hàng hoá của Việt Nam trên thị trường quốc tế, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn sức khoẻ cộng đồng, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

**II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN**

**1. Mục tiêu chung**

- Tạo nền tảng pháp lý và kỹ thuật để hình thành được hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận từ trung ương đến địa phương.

- Tập trung phát triển hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận thống nhất, đồng bộ, hiệu quả từ trung ương đến địa phương; xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác các nguồn lực về hạ tầng chất lượng quốc gia; hình thành và phát triển các tổ chức tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận đạt trình độ khu vực, quốc tế.

- Hình thành và phát triển các tổ chức, mạng lưới chuyên gia của Việt Nam về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Đổi mới và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng hiện đại, ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các mô hình quản lý tiên tiến, nâng cấp hạ tầng thiết bị, công nghệ chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**Đến năm 2030**

- Hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia trong đó có Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý khác có liên quan.

- Chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam đạt vị trí 45 trong bảng xếp hạng Chỉ số hạ tầng chất lượng toàn cầu.

- Tỷ lệ hài hoà của hệ thống quốc gia với tiêu chuẩn, quy tắc thực hành, hướng dẫn, khuyến nghị (sau đây viết tắc là tiêu chuẩn) quốc tế và khu vực đạt tối thiểu 70%; cơ bản hoàn thiện toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn trong các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như chuyển đổi số, tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi năng lượng xanh, kinh tế tuần hoàn, quản lý xã hội, đô thị thông minh, sản xuất thông minh; tối thiểu 9000 tổ chức, doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn trong hệ thống chỉ tiêu về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Mở rộng tối thiểu 03 lĩnh vực có khả năng đo và hiệu chuẩn được thừa nhận quốc tế; triển khai được ít nhất 10 chương trình so sánh vòng; phát triển thêm tối thiểu 05 chuẩn đo lường quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hình thành 5 - 10 tổ chức đánh giá sự phù hợp, công nhận được quốc tế thừa nhận; triển khai được ít nhất 20 chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; tối thiểu 1500 tổ chức đánh giá sự phù hợp (tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định) được công nhận trong các ngành lĩnh vực của nền kinh tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và chuẩn hoá tối thiểu 8000 chuyên gia, kỹ thuật viên về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận để tham gia thực hiện Đề án; đào tạo từ 1-2 khoá hằng năm về nghiệp vụ phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Hoàn thành hệ thống quản lý nhà nước trên nền tảng số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ở trung ương.

**Đến năm 2035**

- Hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phát triển NQI trong đó có Luật Đo lường và và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý khác có liên quan.

- Chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam đạt vị trí 40 trong bảng xếp hạng Chỉ số hạ tầng chất lượng toàn cầu.

- Tỷ lệ hài hoà của hệ thống tiêu chuẩn quốc với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực đạt tối thiểu 75%; tối thiểu 12 000 tổ chức, doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn trong hệ thống chỉ tiêu về hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Mở rộng tối thiểu 05 lĩnh vực có khả năng đo và hiệu chuẩn được thừa nhận quốc tế; triển khai được ít nhất 30 chương trình so sánh vòng; phát triển tối thiểu thêm được 10 chuẩn đo lường quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt so với năm 2025.

- Hình thành 10 - 20 tổ chức về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận được quốc tế thừa nhận; triển khai được ít nhất 40 chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; tối thiểu 2000 tổ chức đánh giá sự phù hợp (tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định) được công nhận trong các ngành lĩnh vực của nền kinh tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và chuẩn hoá tối thiểu 10000 chuyên gia, kỹ thuật viên về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận; tổ chức đào tạo bồi dưỡng, tập huấn tối thiểu từ 1-2 khoá) hằng năm về nghiệp vụ phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại trong nước và 1-2 khoá tại nước ngoài.

- Hoàn thành hệ thống quản lý nhà nước trên nền tảng số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trên phạm vi toàn quốc.

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. **Hoàn thiện hệ thống, chính sách pháp luật, văn bản quản lý về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Luật Đo lường và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý khác có liên quan. Rà soát các văn bản quản lý về hoạt động công nhận để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét xây dựng Pháp lệnh về công nhận.

- Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia, kế hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia;

- Xây dựng và ban hành tiêu chí phân loại các tổ chức công nhận quốc gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (sau đây viết tắt là tổ chức NQI cấp quốc gia); các cơ chế chính sách ưu tiên để phát triển tổ chức NQI cấp quốc gia;

- Ban hành văn bản hướng dẫn tăng cường năng lực đo lường, đánh giá sự phù hợp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành, địa phương đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện về chuyển đổi số trong ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện có hiệu quả các hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận.

**2. Tăng cường năng lực kỹ thuật của hạ tầng chất lượng quốc gia**

**2.1 Về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật**

- Tập trung xây dựng, phát triển toàn diện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo hướng hài hoà tiêu chuẩn quốc tế, trong đó tập trung vào các lĩnh vực: chuyển đổi số, tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi năng lượng xanh, kinh tế tuần hoàn, quản lý xã hội, đô thị thông minh, sản xuất thông minh, an ninh thông tin gắn với việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới; khuyến khích tạo điều kiện để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các Bộ ngành, địa phương.

- Tiếp tục hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn trong các ngành lĩnh vực của nền kinh tế; thường xuyên rà soát, thống kê số lượng các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn trong hệ thống chỉ tiêu về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Nâng cao năng lực kỹ thuật của cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia; xây dựng mô hình tổ chức, hoạt động các ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bảo đảm sự tập trung thống nhất và hiệu quả trong công tác xây dựng tiêu chuẩn theo hướng khuyến khích các tổ chức, hiệp hội, trường, viện nghiên cứu cùng tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về tiêu chuẩn hoá đối với các chuyên gia kỹ thuật trẻ từ các trường đại học, cao đẳng kỹ thuật, trường nghề; hình thành mạng lưới chuyên gia về tiêu chuẩn được công nhận/chứng nhận theo chuẩn mực quốc tế.

**2.2. Về đo lường**

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ để nghiên cứu, nhận diện một số giải pháp công nghệ chủ chốt về đo lường: Đo lường 4.0, đám mây đo lường (Metrology cloud), hệ thống đo lường ảo, phương tiện đo ảo, chứng chỉ hiệu chuẩn số, hiệu chuẩn từ xa...

- Rà soát, bổ sung, xây dựng mới các Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam về quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường mới phục vụ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của nền kinh tế như: quy trình đồng bộ thời gian chuẩn quốc gia trong lĩnh vực giao thông, thông tin, chứng khoán; quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với thiết bị sạc điện cho xe điện; các quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ cho quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn, bảo vệ môi trường ...

- Đẩy mạnh triển khai kết nối hệ thống chuẩn đo lường quốc gia với các chuẩn đo lường quốc tế; nâng cao năng lực hạ tầng kỹ thuật đo lường quốc gia, bảo đảm tính đồng bộ, liên kết với các chuẩn đo lường chính, chuẩn đo lường công tác của các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp.

- Tập trung đầu tư, tăng cường nguồn lực của Viện Đo lường Việt Nam nhằm mở rộng phạm vi các lĩnh vực có khả năng đo và hiệu chuẩn được thừa nhận quốc tế; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện so sánh liên phòng và hình thành cơ sở dữ liệu khả năng đo hiệu chuẩn (CMCs) của Việt Nam; tăng cường việc tổ chức, triển khai, tham gia các chương trình so sánh liên phòng cấp quốc gia, khu vực, quốc tế và các chương trình đánh giá đo lường theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế.

- Tập trung phát triển, nâng cao năng lực các phòng hiệu chuẩn được công nhận để chuẩn hoá năng lực hiệu chuẩn đo lường, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong một số ngành lĩnh vực.

- Rà soát, đánh giá mô hình hoạt động đo lường của các tổ chức kiểm định/hiệu chuẩn ở trung ương và địa phương, bảo đảm tập trung thống nhất, tránh dàn trải, lãng phí trong đầu tư, nghiên cứu.

- Tiếp tục chuẩn hoá, chứng nhận chuyên gia về đo lường, kiểm định viên, hiệu chuẩn viên, thử nghiệm viên để hình thành mạng lưới chuyên gia về đo lường của Việt Nam; tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia tư vấn xây dựng chương trình đảm bảo đo lường theo Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

**2.3. Về công nhận**

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức công nhận quốc gia.

- Tiếp tục hỗ trợ các tổ chức đánh giá sự phù hợp (tổ chức chứng nhận sản phẩm, tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý, tổ chức thử nghiệm) được công nhận trong các ngành lĩnh vực của nền kinh tế; thường xuyên rà soát, thống kê số lượng các tổ chức đánh giá sự phù hợp này được công nhận trong hệ thống chỉ tiêu về hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Tăng cường, mở rộng các chương trình công nhận được thừa nhận quốc tế; các chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng để nâng cao chất lượng thử nghiệm, bảo đảm độ tin cậy của kết quả thử nghiệm.

- Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên gia đánh giá công nhận.

**2.4.** **Về** **đánh giá sự phù hợp**

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quốc gia.

- Triển khai các hoạt động về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để bảo đảm về đo lường đối với các hệ thống thiết bị thử nghiệm có chức năng đo trong hoạt động dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Tổ chức triển khai mô hình thử nghiệm trọng tài phục vụ quản lý nhà nước; Triển khai thực hiện các cơ chế thừa nhận lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý của Việt Nam và nước xuất khẩu (cơ chế G to G); khuyến khích hoạt động thừa nhận lẫn nhau giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định trong nước và các tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước ngoài (cơ chế T to T), đảm bảo không ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia.

- Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia năng suất chất lượng để hình thành đội ngũ chuyên gia đánh giá sự phù hợp của Việt Nam.

**2.5. Về giám sát, kiểm tra, thanh tra**

- Xây dựng, triển khai quản lý rủi ro trong hoạt động thanh tra, kiểm tra; tập trung thanh tra, kiểm tra các hoạt động hoạt động công nhận, đánh giá sự phù hợp, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn đo lường, phương tiện đo; các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn có dấu hiệu vi phạm pháp luật; các sản phẩm, hàng hoá có thông tin cảnh báo của các nước Thành viên WTO và trên phương tiện thông tin đại chúng về dấu hiệu vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa.

 - Bố trí, bảo đảm các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra ở Trung ương và địa phương.

- Nghiên cứu, chế tạo, đầu tư trang bị các thiết bị chuyên dùng: xe chuyên dùng để kiểm định lưu động, xe ô tô trang bị thiết bị thử nghiệm; phương tiện, thiết bị đo, kiểm tra nhanh và các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khác theo yêu cầu của các cơ quan quản lý.

- Tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ nâng cao năng lực chuyên môn về nghiệp vụ đo lường, nghiệp vụ kiểm soát viên chất lượng, hoạt động công nhận, đánh giá sự phù hợp, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn đo lường, phương tiện đo phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa.

**3. Chuyển đổi số trong hạ tầng chất lượng quốc gia**

- Xây dựng bản đồ số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng làm nền tảng phát triển các dịch vụ số góp phần phát triển kinh tế xã hội; Phát triển các nền tảng số và hệ thống thông tin số có quy mô toàn ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ tiện ích, giảm chi phí, thời gian công sức cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận với hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trên quy mô toàn quốc.

- Tổ chức xây dựng và vận hành hạ tầng số; dữ liệu số; hệ sinh thái đám mây số; hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị số; bảo đảm năng lực, an toàn thông tin vụ phát triển ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đồng bộ, gắn kết với các thiết bị nghiệp vụ hướng đến chuyển đổi số toàn ngành.

- Phát triển, xây dựng dữ liệu số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tạo nguồn lực cung cấp dữ liệu số triển khai dịch vụ công trực tuyến, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các Bộ, ngành, địa phương đáp ứng phục vụ người dân doanh nghiệp khai thác sử dụng và tương tác công việc khi có nhu cầu.

- Ưu tiên xây dựng các nền tảng số có phạm vi toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế, xã hội như dữ liệu về: tiêu chuẩn; quy chuẩn kỹ thuật; đo lường; đánh giá sự phù hợp; Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; hàng rào kỹ thuật trong thương mại; mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc; quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

**4. Tăng cường hợp tác quốc tế**

- Bố trí nguồn lực, hỗ trợ chuyên gia ban kỹ thuật, đại diện cơ quan, tổ chức tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài; tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa thông qua các chương trình, dự án nâng cao năng lực kỹ thuật, đào tạo chuyên gia, xây dựng tiêu chuẩn quốc tế trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), ), thoả thuận hợp tác song phương, đa phương với và các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế, khu vực, nước ngoài hàng đầu như ISO, IEC, ITU, OIML, ILAC, CAC (Codex Alimentarius Commission)…

- Xây dựng lộ trình, ưu tiên nguồn lực để tham gia vào Uỷ ban tư vấn cân, đo quốc tế (CIPM); xây dựng, tổ chức các chương trình Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước và quốc tế đáp ứng các yêu cầu của các ban kỹ thuật của tổ chức đo lường pháp định quốc tế; tạo điều kiện để các cán bộ, chuyên gia người Việt Nam tham gia vào các ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật của các tổ chức về đo lường ở khu vực và quốc tế.

- Xây dựng lộ trình, ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức công nhận của Việt Nam vào tổ chức công nhận quốc tế và khu vực như ILAC, APLAC...

- Đẩy mạnh các biện pháp thực thi pháp luật liên quan đến các cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia ký kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT; xây dựng các chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài để học tập, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp.

- Tích cực tham gia và tận dụng hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức năng suất chất lượng, mã số mã vạch, quốc tế, khu vực như APO, APQO, GSI...

**5. Tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông**

- Tăng cường thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, người dân về lợi ích của Hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Từng bước đưa nội dung giáo dục về hạ tầng chất lượng quốc gia vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện và giám sát, kiểm tra, đánh giá các mục tiêu phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác thẹo quy định của pháp luật.

Các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án được thực hiện theo phương thức chương trình khoa học công nghệ các cấp và các loại nhiệm vụ khác. Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ ngành địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí trong các chương trình, đề án khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án này. Nội dung, định mức chi để thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Đề án được áp dụng theo quy định hiện hành về khoa học công nghệ và các quy định khác có liên quan; nội dung chi, định mức chi để thực hiện các loại nhiệm vụ khác của Đề án áp dụng các quy định hiện hành về chế độ chi tiêu của Nhà nước.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Bộ Khoa học và Công nghệ**

- Là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực khoa học và công nhệ.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Đề án của các Bộ ngành địa phương; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm và 05 năm; định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Đề án; chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành cóliên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách để triển khai Đề án; trường hợp cần thiết báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì xây dựng phương pháp tính toán, thống kê các chỉ số về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận để tính toán chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia trong phạm vi quốc gia và một số ngành lĩnh vực.

- Ban hành hướng dẫn tăng cường năng lực đo lường, đánh giá sự phù hợp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành, địa phương đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Chủ trì rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để phát triển, kiện toàn, sắp xếp lại các tổ chức NQI bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, dàn trải nguồn lực trong đầu tư; xây dựng chính sách ưu tiên tập trung đầu tư một số tổ chức NQI đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trong việc huy động nguồn lực từ các Viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, đào tạo, tổ chức quốc tế trong việc phát triển hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia trong phạm vi cả nước.

- Chủ trì tổ chức tôn vinh khen thưởng các tổ chức tham gia xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia hằng năm.

- Thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban chủ nhiệm Đề án. Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) là cơ quan thường trực của Ban chủ nhiệm Đề án.

**2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ phát triển bền vững, Chiến lược chuyển đổi số quốc gia…

- Chủ trì bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

**3. Bộ Tài chính**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đổi với hàng hoá nhập khẩu.

- Chủ trì bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Chủ trì hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án này và các chương trình, đề án khác có liên quan (nếu cần).

**4. Bộ Công Thương**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương; khuyến khích tạo điều kiện để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức NQI thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên đầu tư, phát triển các tổ chức NQI để đáp ứng các yêu cầu thuộc ngành lĩnh vực quản lý; tổ chức triển khai chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; khuyến khích tạo điều kiện để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**6. Bộ Xây dựng**

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực xây dựng.

- Chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức NQI thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên đầu tư, phát triển các tổ chức NQI để đáp ứng các yêu cầu thuộc ngành lĩnh vực quản lý; tổ chức triển khai chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**7. Bộ Tài nguyên và Môi trường**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và triển khai Đề án, rà soát xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức NQI thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên đầu tư, phát triển các tổ chức NQI để đáp ứng các yêu cầu thuộc ngành lĩnh vực quản lý; tổ chức triển khai chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**8. Bộ Y tế**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và triển khai Đề án, rà soát xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức NQI thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên đầu tư, phát triển các tổ chức NQI để đáp ứng các yêu cầu thuộc ngành lĩnh vực quản lý; tổ chức triển khai chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

 **9. Bộ Thông tin và Truyền thông**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và triển khai Đề án, rà soát xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; khuyến khích tạo điều kiện để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tập trung thống nhất, tránh dàn trải, lãng phí trong đầu tư, nghiên cứu; xây dựng chính sách ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển các tổ chức trong hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia để giải quyết các vấn đề thuộc ngành lĩnh vực quản lý; triển khai chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**10. Các bộ khác**

 Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai Đề án; chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ được giao để triển khai Đề án.

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia thuộc phạm vi quản lý; xây dựng chính sách ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển các tổ chức trong hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia để giải quyết các vấn đề thuộc ngành lĩnh vực; triển khai các chương trình chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án, lồng ghép triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai thực hiện các Chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Chủ động xem xét ban hành văn bản theo thẩm quyền để triển khai Đề án, trường hợp cần thiết báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Xây dựng và triển khai thực hiện chính sách ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển các tổ chức NQI để đáp ứng yêu cầu của địa phương, vùng, khu vực bảo đảm tính đồng bộ, kết nối trong hạ tầng chất lượng quốc gia .

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức NQI thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về hạ tầng chất lượng quốc gia; tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra viẹc chấp hành pháp luật của các tổ chức NQI trên dịa bàn địa phương.

**12. Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam, Hội Đo lường Việt Nam, Hội các Phòng thử nghiệm Việt Nam, các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp khác có liên quan**

- Chủ động phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, dịa phương triển khai hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ cảu Đề án.

- Tham gia thực hiện truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên tham gia phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Tham gia đề xuất chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ thành viên, hội viên tham gia phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng trung ương Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NN, CN, KSTT, TCCV, TKBT;- Lưu: VT, KGVX (2) |  **THỦ TƯỚNG** |